

**GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẢO LỘC**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức  
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính  
phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ  
trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật  
Bảo vệ môi trường;*

*Xét Văn bản đề nghị cấp Giấy phép môi trường số 22/2024/CV-SD ngày 18  
tháng 12 năm 2024 của Công ty Cổ phần Sandals và hồ sơ kèm theo;*

*Xét Tờ trình số 46 /TTr-TNMT ngày 23 tháng 01 năm 2025 của Phòng Tài  
nguyên và Môi trường.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1:** Cấp phép cho Công ty Cổ phần Sandals, địa chỉ tại số 148/22 đường Lê Hồng Phong, Phường 1, thành phố Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án Khách sạn Du lịch Sandals Victory với các nội dung như sau:

**1. Thông tin chung của Dự án:**

1.1. Tên Dự án: Khách sạn Du lịch Sandals Victory.

1.2. Địa điểm thực hiện Dự án: Số 795 đường Trần Phú, phường B'Laô, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ tương đương:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 5801323932 được Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và đầu tư cấp lần đầu ngày 20 tháng 10 năm 2016, thay đổi lần 8 ngày 25 tháng 10 năm 2023.

1.4. Mã số thuế: 5801323932.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Khách sạn, dịch vụ khác.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Quy mô về diện tích:

+ Diện tích đất: 2.223 m<sup>2</sup>.

+ Diện tích xây dựng công trình: 1.370,9 m<sup>2</sup>.

+ Tổng diện tích xây dựng: 10.606,9 m<sup>2</sup>.

- Công suất hoạt động: 83 phòng lưu trú (64 phòng đơn, 19 phòng đôi) kết hợp một số dịch vụ khác như ăn uống, cà phê, trà và spa - gym. Công suất đón tiếp khách tối đa của khách sạn là 204 khách/ngày và khu vực dịch vụ khoảng 300 khách/ngày.

## **2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:**

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với tiếng ồn và độ rung quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 kèm theo Giấy phép này.

### **Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm Công ty cổ phần Sandals:**

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty cổ phần Sandals có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường được cấp và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

**Điều 3.** Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (kể từ ngày giấy phép này ban hành).

**Điều 4.** Kể từ ngày Giấy phép môi trường có hiệu lực thi hành, Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 2708/STNMT-MT ngày 30 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Lâm Đồng hết hiệu lực.

**Điều 5.** Giao Phòng Tài nguyên và Môi trường, UBND Phường B'Lao tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

**Nơi nhận:**

- CT, các PCT UBND thành phố;
- Phòng Tài nguyên và Môi trường;
- UBND Phường B'Lao;
- Công ty Cổ phần Sandals,  
(Địa chỉ: số 148/22 đường Lê Hồng Phong,  
Phường 1, thành phố Bảo Lộc);
- Lưu: VT, TNMT (3 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Phùng Ngọc Hạp**

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Giấy phép môi trường số /GPMT-UBND  
ngày tháng năm 2025 của UBND thành phố Bảo Lộc)

### Phụ lục 1

## NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

#### 1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh.
- Nguồn số 02: Nước thải nhà bếp phát sinh từ khu dịch vụ, cà phê, trà, spa.
- Nguồn số 03: Nước thải phát sinh từ lavabo, giặt giũ, lau dọn.

#### 2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

Dòng nước thải: 01 dòng nước thải sau hệ thống xử lý được bơm dẫn theo đường ống nhựa uPVC D220, chiều dài 20m ra mương thoát nước chung hẻm 96 Nguyễn Thị Minh Khai, phường B'Lao, TP. Bảo Lộc.

##### 2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải:

- Nguồn tiếp nhận trực tiếp: Cống thoát nước chung hẻm 96 Nguyễn Thị Minh Khai, phường B'Lao, TP. Bảo Lộc.
- Nguồn tiếp nhận gián tiếp: Suối nhánh sông Đa Bình 3, sau đó chảy ra sông Đa Bình thuộc lưu vực sông La Ngà.

##### 2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: cống thoát nước chung hẻm 96 Nguyễn Thị Minh Khai, phường B'Lao, TP. Bảo Lộc.
- Tọa độ vị trí xả thải:  $X(m) = 505.628$ ,  $Y(m) = 1276.493$  (hệ tọa độ VN-2000; kinh tuyến trực  $107^{\circ}45'$ , múi chiếu  $3^{\circ}$ ).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất:  $70 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ ;  $2,92 \text{ m}^3/\text{giờ}$ .

##### 2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau xử lý từ hố ga giám sát nước thải được bơm dẫn theo đường ống uPVC D220, chiều dài 20m đến vị trí xả thải và phương thức xả thải là bơm xả thải.

##### 2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 14:2008/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (Cột A, K=1), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, K=1,0)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	BOD <sub>5</sub> (20°C)	mg/l	30	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	50	
4	Tổng chất rắn hòa tan	mg/l	500	
5	Sunfua (tính theo H <sub>2</sub> S)	mg/l	1	
6	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	
7	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> )	mg/l	30	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	10	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	5	
10	Phosphat (PO <sub>4</sub> <sup>3-</sup> ) (tính theo P)	mg/l	6	
11	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000	

*Ghi chú:* Khuyến khích Công ty cổ phần Sandals thực hiện quan trắc định kỳ nước thải sau xử lý đối với các chất ô nhiễm nêu tại bảng trên để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý nước thải của dự án theo khoản 6 Điều 111 Luật bảo vệ môi trường.

## **B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**

### **1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh để đưa về hệ thống xử lý nước thải (HTXL NT):

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh được thu gom và xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, sau đó theo đường ống thu gom nước thải uPVC D168 mm, tự chảy về hố thu gom nước thải chung của dự án.

- Nguồn số 02: Nước thải từ nhà bếp từ khu vực dịch vụ, cà phê, trà, spa được thu gom và xử lý qua bể tách dầu mỡ, sau đó theo đường ống thu gom nước thải uPVC D168 mm tự chảy về hố thu gom nước thải chung của Dự án.

- Nguồn số 03: Nước thải sinh hoạt từ lavabo, giặt giũ, vệ sinh văn phòng được thu gom bằng đường ống thu gom nước thải uPVC D168 mm tự chảy về hố thu gom nước thải chung của Dự án.

## 1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Công suất thiết kế: 70 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

- Quy trình công nghệ xử lý nước thải của hệ thống xử lý nước thải (HTXL NT): Nước thải → Bể tự hoại – Bể tách dầu mỡ → Bể thu gom → Bể điều hòa 1+2 → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí 1+2 → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Bồn lọc áp lực → Nguồn tiếp nhận.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng (hoặc các hóa chất tương đương không phát sinh thêm chất ô nhiễm quy định tại Mục A Phụ lục này): Chlorine.

## 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Đối với sự cố rò rỉ, vỡ đường ống thoát nước:

+ Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

+ Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

+ Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

- Đối với hệ thống xử lý nước thải:

+ Thường xuyên giám sát nồng độ các chất ô nhiễm có khả năng gây ô nhiễm và ô nhiễm nặng.

+ Lập kế hoạch bảo hành định kỳ đối với thiết bị máy móc và đối với những thiết bị quan trọng phải trang bị thiết bị dự phòng.

+ Vận hành các hệ thống xử lý theo đúng quy trình đã lập.

+ Để phòng ngừa sự cố HTXL NT tạm ngừng hoạt động, chủ đầu tư sẽ trang bị đầy đủ các máy móc thiết bị dự phòng như máy bơm, máy khuấy, máy châm hóa chất,...

+ Khi HTXL NT tạm ngừng hoạt động, bộ phận kỹ thuật sẽ cho ngừng cấp nước ở một số khu vực để tránh phát sinh nước thải (khu vực nhà hàng, nhân viên, giặt giũ), lượng nước thải phát sinh chủ yếu từ khu vực thiết yếu như nhà vệ sinh, khối khách sạn sẽ được lưu chứa tại bể điều hòa. Như vậy lượng nước thải phát sinh trong giai đoạn này khoảng 30 m<sup>3</sup>/ngày, bể điều hòa có thể lưu chứa trong 02 ngày để khắc phục sự cố. Bộ phận kỹ thuật sẽ nhanh chóng tiến hành kiểm tra và khắc phục sự cố trong 1 ngày để đảm bảo hoạt động bình thường của khách sạn.

+ Bố trí nhân viên môi trường tham gia học các chương trình nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường nhằm đào tạo kỹ năng cho cán bộ, nhân viên vận hành các công trình xử lý.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

### 2.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: sau khi được cấp giấy phép môi trường.

- Thời gian kết thúc: 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: hệ thống xử lý nước thải công suất 70 m<sup>3</sup>/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- 01 mẫu nước thải đầu vào của hệ thống xử lý nước thải.
- 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý nước thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm: Theo nội dung được cấp phép tại mục 2.3.3 Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc chất thải trong quá trình vận hành thử nghiệm HTXL NT theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### **3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:**

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A 2.3.3. Phụ lục này. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; kiểm soát và theo dõi lưu lượng nước thải sau xử lý; lưu giữ số liệu tại Dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm.

3.2. Thực hiện các công trình ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản dưới luật, vận hành theo đúng quy trình kỹ thuật công nghệ; thường xuyên theo dõi, kiểm tra độ an toàn, làm việc của thiết bị máy móc.

3.3. Thường xuyên kiểm tra, kiểm soát các công trình xử lý nước thải, đường ống dẫn nước thải, ... nhằm kịp thời phát hiện hư hỏng và thay thế, khắc phục tránh nước thải thấm trực tiếp vào môi trường đất, nước dưới đất và nước mặt.

3.4. Theo dõi, kiểm soát hóa chất, vật liệu sử dụng trong vận hành HTXL NT đảm bảo đáp ứng yêu cầu kỹ thuật trong xử lý nước thải của Dự án.

3.5. Công ty cổ phần Sandals chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả nước thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

## Phụ lục 2

### NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

#### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

##### 1. Nguồn phát sinh:

- Nguồn số 01: Khí thải từ hệ thống xử lý nước thải.

##### 2. Lưu lượng, dòng khí thải, các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải

2.1. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải: Tương ứng với ống thoát khí thải số 01 của thiết bị xử lý mùi công suất 60 m<sup>3</sup>/giờ, tọa độ vị trí xả khí thải: X= 505.612; Y= 1.276.514 (theo toạ độ VN- 2000 kinh tuyến trục 107°45', múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 60 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (Cột B, K<sub>p</sub> = 1,0 và K<sub>v</sub> = 0,8), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B, K <sub>p</sub> = 1,0, K <sub>v</sub> = 0,8)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	Hydro sunphua (H <sub>2</sub> S)	mg/Nm <sup>3</sup>	6	Không thuộc đối tượng phải quan trắc khí thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)
2	Amoniac (NH <sub>3</sub> )	mg/Nm <sup>3</sup>	40	

*Ghi chú:* Khuyến khích Công ty cổ phần Sandals thực hiện quan trắc định kỳ khí thải đối với các chất ô nhiễm nêu tại bảng trên để tự theo dõi, giám sát hệ thống, thiết bị xử lý bụi, khí thải của dự án theo khoản 6 Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường.

#### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

##### 1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Mùi phát sinh từ bể điều hòa, bể sinh học thiếu khí, bể sinh học hiếu khí, được thu gom bằng đường ống PVC DN80, chiều dài 15m và đưa vào thiết bị khử mùi, sau đó thoát ra môi trường qua ống dẫn.



### 1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải từ HTXL NT → Ống hút mùi → Cột lọc than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát khí thải → Hệ thống thoát khí tòa nhà.
- Công suất thiết kế: 60 m<sup>3</sup>/giờ.

### 1.3. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên theo dõi tình trạng hoạt động của các máy móc, thiết bị để có biện pháp sửa chữa, thay thế kịp thời khi có sự cố.
- Bảo trì máy móc, thiết bị của công trình xử lý khí thải theo hướng dẫn kỹ thuật của nhà cung cấp.
- Bố trí nhân viên kỹ thuật vận hành công trình xử lý khí thải.
- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

## 2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

### 2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: sau khi được cấp giấy phép môi trường.
- Thời gian kết thúc: 06 tháng kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: Tháp xử lý mùi, công suất 60 m<sup>3</sup>/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Ống thoát khí thải của tháp xử lý mùi.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, phải giám sát các chất ô nhiễm có trong khí thải sau xử lý và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải (mùi) theo giá trị giới hạn cho phép quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

### 2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

## 3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Vận hành hệ thống xử lý khí thải (mùi) phát sinh từ hoạt động của dự án theo đúng quy trình và đạt yêu cầu về chất lượng khí thải quy định tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất bảo đảm vận hành thường xuyên, hiệu quả các công trình thu gom, xử lý khí thải (mùi).

3.3. Công ty cổ phần Sandals chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả khí thải không đảm bảo các yêu cầu của Giấy phép này ra môi trường.

### Phụ lục 3

## BẢO ĐẢM CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

### A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

#### 1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.

#### 2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Tọa độ: X= 505.611; Y= 1.276.514 (Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến 107°45' múi chiều 3°).

**3. Tiếng ồn, độ rung:** Đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

**3.1. Tiếng ồn:** Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không áp dụng	Khu vực thông thường

**3.2. Độ rung:** Phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung

TT	Từ 6-21 giờ (dB)	Từ 21-6 giờ (dB)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	60	Không áp dụng	Khu vực thông thường

### B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

#### 1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

##### 1.1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Máy bơm được bố trí trong khu vực HTXLNT, cách xa hoạt động sinh hoạt của khách nên mức độ ảnh hưởng sẽ được giảm thiểu.

- Lắp đệm cao su chống rung và giảm tiếng ồn trong quá trình hoạt động.

- Hệ thống xử lý nước thải đặt trong phòng cách âm, có cửa đóng kín, hạn chế tiếng ồn phát ra xung quanh.

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy bơm để giám sát các thay đổi khi máy vận hành, bố trí kỹ thuật viên xử lý kịp thời khi có sự cố xảy ra.

## **2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường**

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung. Nâng cấp, thay thế các máy móc, thiết bị phụ trợ (khi xuống cấp) có phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn bằng các máy móc, thiết bị hiện đại để giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đến môi trường xung quanh, đảm bảo đáp ứng các quy chuẩn kỹ thuật môi trường quy định.

**Phụ lục 4****YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,  
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG****A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI****1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

<b>STT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Mã CTNH</b>	<b>Trạng thái tồn tại</b>	<b>Số lượng (kg/năm)</b>
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	10
2	Dầu nhớt thải	17 02 03	Rắn	10
3	Pin, ắc quy thải	16 01 12	Rắn	5
4	Giẻ lau có nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	Rắn	10
5	Bao bì thuốc BVTV mềm thải	14 01 05	Rắn	5
6	Bao bì thuốc BVTV cứng thải	14 01 06	Rắn	5
7	Bao bì kim loại cứng thải (bình xịt côn trùng,...)	18 01 02	Rắn	5
<b>Tổng số lượng</b>				<b>50</b>

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Khối lượng</b>
1	Chất thải từ hoạt động trồng, chăm sóc cây	5 kg/tháng
2	Bùn thải từ quá trình nạo vét các mương, hồ ga	20 kg/6 tháng ≈ 3,3 kg/tháng
3	Bùn từ bể tự hoại	300kg/năm
4	Dầu mỡ thải từ bể tách mỡ	50-70kg/năm

<b>TT</b>	<b>Tên chất thải</b>	<b>Khối lượng</b>
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải trung bình khoảng	120 kg/năm ≈ 10 kg/tháng

### 1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt:

<b>TT</b>	<b>Người sử dụng</b>	<b>Số người</b>	<b>Định mức phát sinh (kg/người.ngày)</b>	<b>Khối lượng (kg/ngày)</b>
1	Khách lưu trú	204	0,9 <sup>(1)</sup>	183,6
2	Thực khách sử dụng dịch vụ (khu vực cà phê, trà, spa)	300	0,27 <sup>(2)</sup>	81
3	Công nhân viên	120	0,45 <sup>(3)</sup>	54
<b>Tổng cộng</b>				<b>318,6</b>

Ghi chú:

<sup>(1)</sup>: Hệ số phát sinh chất thải tính theo QCVN 01:2021/BXD giành cho đô thị loại III, đối với người lưu trú;

<sup>(2)</sup>: Hệ số phát thải của một người không lưu trú được tính 50% so với định mức cho 01 người lưu trú.

<sup>(3)</sup>: Lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong trường hợp dự án hoạt động với công suất tiếp khách tối đa.

## **2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:**

### 2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ CTNH:

a. Thiết bị lưu chứa: CTNH được lưu chứa trong 06 thùng đựng chất thải nguy hại với dung tích 120 lít, chất liệu composite, có biển dấu hiệu cảnh báo và dán nhãn từng loại.

### b. Kho lưu chứa chất CTNH:

- Diện tích kho lưu chứa: 5 m<sup>2</sup>.

- Mặt sàn kho lưu giữ CTNH được láng xi măng, kín khít, không bị thấm thấu và tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, bên ngoài kho có dán dấu hiệu cảnh báo CTNH.

### 2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Chất thải từ hoạt động trồng, chăm sóc cây: Thu gom, lưu giữ tại các thùng chứa rác thải HDPE loại 660 lít cùng chất thải rắn sinh hoạt.

- Bùn thải từ quá trình nạo vét các mương, hồ ga: Lưu giữ tạm thời tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải.

- Bùn từ bể tự hoại: Lưu giữ tạm thời ở ngăn chứa của bể tự hoại.

- Dầu mỡ thải từ bể tách mỡ: Lưu giữ tạm thời ở ngăn tách mỡ của bể tách dầu mỡ

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải: Lưu giữ tạm thời tại bể chứa bùn của hệ thống xử lý nước thải.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

a. Thiết bị lưu chứa: Dự án đã bố trí 30 thùng chứa rác nhựa HDPE có dung tích 20 lít khu vực hành lang ở các tầng, 83 thùng chứa rác nhựa HDPE loại 10 lít cho các phòng và 05 thùng chứa rác thải nhựa HDPE loại 660 lít.

b. Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt: Kho chứa chất thải sinh hoạt.

## **B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:**

### **1. Phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải:**

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của HTXL NT. Trong trường hợp HTXL NT gặp sự cố phải đảm bảo khả năng lưu chứa của hệ thống trong thời gian khắc phục sự cố, khẩn trương khắc phục sự cố và phải xử lý nước thải đã lưu chứa tại hệ thống đảm bảo nước thải được xử lý đạt quy chuẩn trước khi xả thải.

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành trạm xử lý nước thải, giám sát vận hành hàng ngày; tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho HTXL NT.

### **2. Phòng ngừa và ứng phó sự cố hệ thống xử lý khí thải (mùi):**

- Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý khí thải (mùi).

- Bố trí nhân viên quản lý, vận hành hệ thống xử lý khí thải (mùi), giám sát vận hành hàng ngày; tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý khí thải (mùi).

**3. Phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:** Thực hiện phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ đã được cơ quan chức năng chấp thuận theo quy định.

## **Phụ lục 5**

### **CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

Công ty cổ phần Sandals thực hiện các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường như sau:

- Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi sơ với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo cơ quan cấp giấy phép xem xét, giải quyết.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động bảo đảm các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải luôn đảm bảo đáp ứng các quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng theo quy định.

- Thu gom, xử lý nước mưa theo quy định hiện hành, nước mưa được thu gom, thoát theo địa hình vào mương thoát nước chung của Khu công nghiệp.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường. Đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp sự cố về môi trường xảy ra trong quá trình hoạt động của Dự án.

- Đảm bảo an toàn trong lưu trữ và sử dụng hóa chất theo quy định của Luật hóa chất và các văn bản liên quan.

- Tuân thủ các quy định về an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn lao động; phòng cháy chữa cháy, phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân lực thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động Dự án.

- Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp phép, số liệu giám sát phải được cập và lưu trữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

- Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng quy chuẩn, quy định mới.

- Thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo phân vùng môi trường và lộ trình được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt./.